PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN VĨNH BẢO
TRƯỜNG MẦM NON NHÂN HÒA
*****

BẢNG KÊ THỰC PHẨM

Ngày 06 tháng 07 năm 2024

*

- Người mua hàng: NGUYỄN THỊ THUẬN
- Chức vụ: Co Nuoi

STT	TÊN THỰC PHẨM	Đơn vị tính	Số lượng (kg)					Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		Ghi chú
			Tổng số	Khẩu phần mẫu		Khẩu phần thường					
				MG	NT	MG	NT		MG	NT	
1	Thịt gà ta	Kg	4.00			2.10	1.90	125,000	262,500	237,500	500,000
2	Thịt lơn mỡ	Kg	3.40			1.80	1.60	120,000	216,000	192,000	408,000
3	Tép gạo	Kg	1.00			0.60	0.40	140,000	84,000	56,000	140,000
4	Sữa bột	Kg	2.40			1.50	0.90	220,000	330,000	198,000	528,000
5	Rau mùng tơi	Kg	2.00			1.30	0.70	20,000	26,000	14,000	40,000
6	Khoai tây	Kg	1.00			0.60	0.40	20,000	12,000	8,000	20,000
7	Hành củ tươi	Kg	0.10			0.07	0.03	50,000	3,500	1,500	5,000
8	Hành lá (hành hoa)	Kg	0.10			0.07	0.03	50,000	3,500	1,500	5,000
9	Cà chua	Kg	1.00			0.60	0.40	30,000	18,000	12,000	30,000
10	Cà rốt	Kg	1.00			0.50	0.50	20,000	10,000	10,000	20,000
11	Mướp	Kg	1.50			1.00	0.50	25,000	25,000	12,500	37,500
12	Củ xả	Kg	0.20			0.10	0.10	20,000	2,000	2,000	4,000
13	Nấm hương khô	Kg	0.10			0.07	0.03	100,000	7,000	3,000	10,000
14	Cary bột	Kg	0.01				0.01	200,000		2,000	2,000
15	Gạo nếp cái	Kg	1.20				1.20	27,000		32,400	32,400
16	Gạo tẻ máy	Kg	5.80			3.70	2.10	19,000	70,300	39,900	110,200
17	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cám,..)	Kg	0.40			0.20	0.20	65,000	13,000	13,000	26,000
18	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	Kg	0.10			0.05	0.05	25,000	1,250	1,250	2,500
19	Muối	Kg	0.10			0.05	0.05	12,000	600	600	1,200
20	Bột canh	Kg	0.40			0.30	0.10	25,000	7,500	2,500	10,000
21	Đậu phụ	Kg	1.00			0.70	0.30	30,000	21,000	9,000	30,000
22	Pho mát	Kg	0.14				0.14	285,000		39,900	39,900
	Cộng								1,113,150	888,550	
	Tổng cộng								2,001,700		

Người phụ trách **Kế** toán Người nhận Người mua

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN VĨNH BÁO
TRƯỜNG MẦM NON NHÂN HÒA
*****

BẢNG TÍNH ĐỊNH LƯỢNG KHẨU PHẦN ĂN

Ngày 06 tháng 07 năm 2024

Tổng số suất ăn: 100 - 3 tuổi: 33 - Cháo: 16

Trong đó: + Mẫu giáo: 55 - 4 tuổi: 22 + Nhà trẻ: 45 - Cơm nát: 17

- 5 tuổi: - Cơm thường: 12

STT	TÊN THỰC PHẨM	Số lượng (kg)		Quy đổi (kg)		Chất dinh dưỡng (g)										Calo	
						P				L				G			
						ĐV		TV		ĐV		TV					
		MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT
1	Thịt gà ta	2.10	1.90	1.01	0.91	204.6	185.1			132.0	119.5					2,005.9	1,814.9
2	Thịt lơn mỡ	1.80	1.60	1.76	1.57	255.8	227.4			658.0	584.9					6,950.2	6,177.9
3	Tép gạo	0.60	0.40	0.55	0.37	64.6	43.1			6.6	4.4					320.2	213.4
4	Sữa bột	1.50	0.90	1.50	0.90	405.0	243.0			390.0	234.0			570.0	342.0	7,620.0	4,572.0
5	Rau mùng tơi	1.30	0.70	1.08	0.58			21.6	11.6					15.1	8.1	151.1	81.3
6	Khoai tây	0.60	0.40	0.52	0.35			10.4	7.0			0.5	0.3	109.1	72.7	485.5	323.6
7	Hành củ tươi	0.07	0.03	0.05	0.02			0.7	0.3			0.2	0.1	2.3	1.0	13.8	5.9
8	Hành lá (hành hoa)	0.07	0.03	0.06	0.02			0.7	0.3					2.4	1.0	12.3	5.3
9	Cà chua	0.60	0.40	0.57	0.38			3.4	2.3			1.1	0.8	22.8	15.2	114.0	76.0
10	Cà rốt	0.50	0.50	0.45	0.45			6.7	6.7			0.9	0.9	34.9	34.9	174.5	174.5
11	Mướp	1.00	0.50	0.81	0.41			7.3	3.7			1.6	0.8	22.7	11.4	138.0	69.0
12	Củ xả	0.10	0.10	0.08	0.08			4.8	4.8			4.0	4.0	18.4	18.4	36.0	36.0
13	Nấm hương khô	0.07	0.03	0.06	0.03			22.7	9.7			2.5	1.1	14.8	6.3	172.6	74.0
14	Cary bột		0.01		0.01				0.8				0.7		4.6		28.3
15	Gạo nếp cái		1.20		1.20				103.2				18.0		894.0		4,128.0
16	Gạo tẻ máy	3.70	2.10	3.70	2.10			292.3	165.9			37.0	21.0	2,808.3	1,593.9	12,728.0	7,224.0
17	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cám,..)	0.20	0.20	0.20	0.20							199.4	199.4			1,794.0	1,794.0
18	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	0.05	0.05	0.05	0.05	7.5	7.5									30.0	30.0
19	Muối	0.05	0.05	0.05	0.05												
20	Bột canh	0.30	0.10	0.30	0.10			21.3	7.1							84.0	28.0
21	Đậu phụ	0.70	0.30	0.70	0.30			76.3	32.7			37.8	16.2	4.9	2.1	665.0	285.0
22	Pho mát		0.14		0.14		35.7				43.3						532.0
	Cộng					937.5	741.8	468.3	356.1	1,186.6	986.0	285.1	263.3	3,625.8	3,005.7	33,495.1	27,673.3
	Bình quân thực tế /1 trẻ					17.0	16.5	8.5	7.9	21.6	21.9	5.2	5.9	65.9	66.8	609.0	615.0
	Thấp: MG:P:13%,L:25%,G:52%;NT: P:13%,L:30					11.7	11.4	7.8	7.6	11.6	13.6	5.0	5.8	78.0	68.8	615.0	600.0
	Cao: MG:P:20%,L:35%,G:60%;NT: P:20%,L:40%					21.3	19.1	14.2	12.7	19.1	19.6	8.2	8.4	106.2	79.4	726.0	651.0

Quyết toán trong ngày

- Tiêu chuẩn được chi: 2,000,000 đ
- Hôm trước mang sang:
- Đã chi: 2,001,700 đ
- Thừa:
- Thiếu: 1,700 đ
- Luỹ kế: -1,700

Thực đơn

* Bữa sáng: - Thịt gà sốt nấm hương,khoai sọ
  - Canh sườn rau cải
* Bữa chiều: - Sữa bột
  NT - Cháo thịt gà cà rốt
*Ăn giữa giờ: - Sữa bột